| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TUY AN**<br>**TỈNH PHÚ YÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2024
V/v tranh chấp: *"ly hôn"*.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Diễm Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Ngọc Trưng và bà Phạm Thị Thùy Lê

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Bích Ngân–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Antham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đìnhthụ lý số:208/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐ-ST ngày 07 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Tống Thị N, sinh năm 1985; ĐKTT: Thôn B, xã A, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

***- Bị đơn:*** Anh Nguyễn P, sinh năm 1983.

ĐKTT: Thôn B, xã A, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Tống Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Nguyễn P tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 19/6/2007 tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P thường xuyên nhậu nhẹt, rồi chửi mắng, đánh chị N nhiều lần. Chị N báo cáo chính quyền địa phương giải quyết, nhưng anh P vẫn không thay đổi. Tháng 4/2023 chị N nộp đơn ly hôn tại Tòa án, sau khi Tòa hòa giải vì thương các con còn nhỏ nên đã rút đơn để vợ chồng hàn gắn cùng nhau chăm sóc con cái. Tuy nhiên, sau khi chị N rút đơn thì cuộc sống chung của vợ chồng vẫn không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung, không thể hàn gắn tình cảm. Chị N và anh P đã sống ly thân từ tháng 8/2023 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, cả hai không tìm được biện pháp khắc phục mâu thuẫn, cũng không ai quan tâm đến đời sống của ai. Cảm thấy tình cảm

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống chung được nữa nên chị N xin được ly hôn với anh P.

*Về con chung:*Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 06/10/2010; Nguyễn Tấn P, sinh ngày 12/5/2013; Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 12/5/2013; Hiện các cháu H, P, Đ do chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu H, P, Đ; Chị N yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng, cấp dưỡng từ tháng 5/2024 cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành.

*Về tài sản chung và nợ chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn P đã được Tòa án nhân dân huyện Tuy An triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tống Thị N. Về hôn nhân: chị N được ly hôn với anh P; Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 06/10/2010; Nguyễn Tấn P, sinh ngày 12/5/2013; Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 12/5/2013 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh P phải cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi cháu 1.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2024 đến khi có một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:Chị Tống Thị N khởi kiện anh Nguyễn P trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên về việc "Ly hôn". Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy An. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định pháp luật, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 227 và Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:Chị Tống Thị N và anh Nguyễn P tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được UBND xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 19/6/2007 nên được coi là hôn nhân hợp pháp.

HĐXX xét thấy: Quá trình chung sống chị N và anh P xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống chung mà bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, anh P còn chửi mắng, đánh chị N, chị N đã nộp đơn ly hôn vào tháng 4/2023, sau đó đã rút

đơn để vợ chồng hàn gắn cùng nhau chăm sóc con cái nhưng cuộc sống hôn nhân vẫn không cải thiện. Cả hai đã không còn sống chung từ tháng 8/2023 đến nay, chị N xác định hiện nay không còn tình cảm vợ chồng với anh P, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và chị N kiên quyết ly hôn với anh P. Quá trình giải quyết vụ án anh P được Tòa án triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng đều vắng mặt là không có thiện chí hòa giải hàn gắn quan hệ hôn nhân, thể hiện sự thiếu trách nhiệm với gia đình.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa, HĐXX có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của chị N và anh P là trầm trọng do mâu thuẫn kéo dài và cả hai cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn nên đời sống chung của vợ chồng thực tế không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên, chị N được ly hôn với anh P.

[3] Về con chung: chị N và anh P có 03 con chung tên Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 06/10/2010; Nguyễn Tấn P, sinh ngày 12/5/2013; Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 12/5/2013; Chị N có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng các con chung. HĐXX xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, các cháu H, P, Đ đều có văn bản trình bày nguyện vọng được sống với chị N. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và sự phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần cho các cháu, cần tiếp tục giao các cháu H, P, Đ cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và đạo đức xã hội.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng từ tháng 5/2024 cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. HĐXX thấy rằng: Để đảm bảo cho cuộc sống và phát triển toàn diện cho các cháu thì cần có mức cấp dưỡng phù hợp. Căn cứ mức chi phí sinh hoạt, chăm sóc và sinh sống của các cháu tại địa phương, căn cứ vào mức chi tiêu trung bình tại địa phương và mức thu nhập của anh P nên HĐXX chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/cháu/tháng là phù hợp. Do đó,buộc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2024 cho đến khi có một trong các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227; Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tống Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tống Thị N được ly hôn với anh Nguyễn P.

2.Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 06/10/2010; Nguyễn Tấn P, sinh ngày 12/5/2013; Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 12/5/2013 cho chị Tống Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, cụ thể: cấp dưỡng nuôi cháu H 1.000.000đ *(một triệu đồng)*/tháng, cấp dưỡng nuôi cháu P 1.000.000đ *(một triệu đồng)*/tháng, cấp dưỡng nuôi cháu Đ 1.000.000đ *(một triệu đồng)*/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2024 cho đến khi có một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung

3. Về tài sản chung và nợ chung: Khônggiải quyết.

4. Về án phí: Chị Tống Thị N phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0010571 ngày 04/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Yên

Bị đơn anh Nguyễn P phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo : Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Trần Thị Diễm Huyền**

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- UBND xã A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.